

附件一：6C 時間表 (29/9 起用) 班主任：張安琪老師

	星期一	星期二	星期三	星期四	星期五
8:00 - 8:20	早會				
8:20 - 8:50	S6 X1	6C 中文 COK 607	6B,6C 數必 LCB,WTK,YTY	S6 X1	6C 英文 CPY 607
8:50 - 9:20	S6 X1	6C 中文 COK 607	6B,6C 數必 LCB,WTK,YTY	S6 X1	6C 英文 CPY 607
9:20 - 9:35	小息				
9:35 - 10:05	6C 通識 ACL 607	6C 倫宗 LTY 607	6C 通識 ACL 607	6C 中文 COK 607	6C 中文 COK 607
10:05 - 10:35	6C 通識 ACL 607	6C 通識 ACL 607	6C 英文 CPY 607	S6 X2	6C 中文 COK 607
10:35 - 11:05	6C 英文 CPY 607	6C 通識 ACL 607	6C 中文 COK 607	S6 X2	6B,6C 數必 LCB,WTK,YTY
11:05 - 11:20	小息				
11:20 - 11:50	6B,6C 數必 LCB,WTK,YTY	6C 英文 CPY 607	S6 X2	6B,6C 數必 LCB,WTK,YTY	S6 X2
11:50 - 12:20	6B,6C 數必 LCB,WTK,YTY	6C 英文 CPY 607	S6 X2	6B,6C 數必 LCB,WTK,YTY	S6 X2
12:20 - 12:30	小息				
12:30 - 13:00	6C 中文 COK 607	6B,6C 數必 LCB,WTK,YTY	S6 X1	6C 英文 CPY 607	6A,6C 體育 LYH,CHC PG1
13:00 - 13:30	6C 中文 COK 607	週會	S6 X1	6C 英文 CPY 607	6A,6C 體育 LYH,CHC PG1

下午補課 (5/10 起用)

	星期一	星期二	星期三	星期四	星期五
15:00-16:30	通識 607	X1 (雙數週) X2 (單數週)	中文 607	英文 607	數學

科目	地點	科目	地點
X1		X2	
生物 CHY	Bio Lab	化學 WKP	6B(308)
物理 TCL	Phy Lab	地理 CKL	413
中史 CPS	6A(407)	歷史 CPS	6D(601)
經濟 CKC	6B(308)	會計 CHE	6C(607)
設計 LWT	DT	管理 WKM	6A(407)
視藝 LKP	VA	資訊 CKM	313
退修	(待定)	體育 MWK	G01
		退修	(待定)

6BC 數 A1-WTK 308 室

6BC 數 A2-LCB 506 室

6BC 數 A3-YTY 607 室